

HOSE 06/03/2014

VNINDEX 578.55 3.61 0.63%

KLGD 141,304,493 CP
GTGD 2,234.66 Tỷ
GTR NDTNN - 74.03 Tỷ

CP Tăng giá 143 CP
CP Giảm giá 80 CP
CP Đứng giá 81 CP



HNX 06/3/2014

HNXINDEX 81.81 0.61 0.75%

KLGD 73,450,051 CP
GTGD 733.94 Tỷ
GTR NDTNN 6.00 Tỷ

CP Tăng giá 147 CP
CP Giảm giá 91 CP
CP Đứng giá 141 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 648.62 2.86 0.44%
HNX30 163.07 2.34 1.46%

Tâm điểm

► **Sự thận trọng vẫn đang được duy trì**

► **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ trở lại**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 3,000 tỷ đồng.

► **Không minh bạch CPH là đất màu cho tham nhũng**
Mục tiêu đề ra là CPH 432 DNNN trong 2 năm 2014-2015
Tin nhanh chứng khoán

► **Ổn định kinh tế chưa gắn liền với cải cách**
Thể hiện rõ nhất trong lĩnh vực tài chính ngân hàng
Người Đồng Hành

► **Bộ tài chính yêu cầu không tăng giá xăng dầu**
Yêu cầu các DN kinh doanh xăng dầu đầu mỗi giữ ổn định giá bán xăng
Vneconomy

► **KBC: Bất ngờ có lệnh thỏa thuận 5.75 triệu cổ phiếu**
Giá thỏa thuận thấp hơn nhiều so với giá thị trường hiện hành
Cafef

► **BRC: Trình cổ tức vồn vẹn 4% vì lý do truy thu thuế**
BRC cho biết 2 năm 2012-2013 hoạt động của nông trường không có lãi
Cafef

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,013,982	13.8	3.0	22.3%	11.3%
HNX	127,883	20.0	1.6	9.0%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,141,865	14.9	2.9	21.2%	10.6%

Theo ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	8,264	7.2	1.0	16.0%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,431	7.8	1.8	24.5%	18.2%
Thép và sản phẩm thép	32,856	16.9	1.9	17.6%	7.1%
Khai khoáng	12,491	45.9	4.9	3.9%	2.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,167	19.9	1.4	15.5%	9.1%
Xây dựng	31,264	50.3	1.2	2.3%	1.6%
Máy công nghiệp	9,406	9.2	1.5	21.5%	12.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,924	13.0	1.6	17.0%	12.3%
Lốp xe	7,016	8.7	2.4	30.2%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,589	13.3	1.2	11.9%	5.7%
Thực phẩm	210,800	23.6	5.5	24.3%	18.2%
Dược phẩm	15,938	12.9	3.3	26.6%	17.1%
Phần mềm	17,361	10.7	2.3	23.6%	9.9%
Sản xuất & phân phối điện	22,979	7.6	1.3	19.2%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	162,144	12.4	4.5	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	31,370	28.6	2.6	9.0%	2.2%
Môi giới chứng khoán	22,990	21.4	1.4	7.3%	5.3%
Ngân hàng	260,919	11.7	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản	146,295	16.3	2.7	25.6%	6.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,569	9.4	1.9	21.4%	8.2%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Không minh bạch CPH là đất màu cho tham nhũng

Ổn định kinh tế chưa gắn liền với cải cách

Bộ tài chính yêu cầu không tăng giá xăng dầu

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

KBC: Bất ngờ có lệnh thỏa thuận 5.75 triệu cổ phiếu

BRC: Trình mức cổ tức 2013 vồn vẹn 4% vì lý do truy thu thuế

SHB sẽ tham gia vụ IPO Tổng công ty xây dựng Thăng Long?

► Tin kinh tế

Tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2014 - 2015, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã khẳng định quyết tâm đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN của Chính phủ. Mục tiêu đề ra là phải cổ phần hóa 432 DNNN trong 2 năm này. Như vậy, mỗi năm bình quân sẽ phải cổ phần hóa 216 DNNN, một mục tiêu rất cao so với số lượng DNNN đã được cổ phần hóa trong những năm gần đây. Trong 3 năm 2011 - 2013, cả nước mới cổ phần hóa được 99 DNNN.

Tham dự tọa đàm chuyên gia "Triển vọng kinh tế và tầm nhìn chính sách 2014", TS. Võ Trí Thành cho biết: "Sự ổn định bằng mọi cách mà không gắn liền với cải cách thể hiện rõ nhất trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

"Không nói đến các vấn đề khác, chỉ mỗi vấn đề sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng. Mỗi động thái của ngân hàng nhà nước để xử lý tình trạng này sẽ không chỉ ảnh hưởng đến các ngân hàng nhỏ mà còn liên quan đến nhiều ngân hàng lớn.

Bộ Tài chính vừa có văn bản số 2836 /BTC-QLG gửi các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mối về điều hành kinh doanh xăng dầu.

Theo đó, trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán hiện hành và giá cơ sở, sau khi thống nhất với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mối giữ ổn định giá bán xăng, dầu trong nước; mức trích quỹ bình ổn giá đối với các mặt hàng xăng, dầu như hiện hành.

Đồng thời tiếp tục yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mối chưa tính đủ lợi nhuận định mức trong giá cơ sở đối với mặt hàng xăng, dầu hỏa (tạm tính 100 đồng/lít).

► Tin doanh nghiệp

Cụ thể, 13h47', cổ phiếu KBC có lệnh thỏa thuận 5.755.000 cổ phiếu được giao dịch với giá 12.100 đồng/cổ phiếu, thấp hơn giá tham chiếu 700 đồng/CP. Tổng giá trị giao dịch này lên đến gần 70 tỷ đồng.

Đáng chú ý là mức giá thỏa thuận lượng lớn cổ phiếu với giá thấp hơn nhiều thị giá hiện hành này xảy ra trong bối cảnh cổ phiếu Kinh Bắc tăng nóng với dư mua trần khá lớn phiên hôm qua và sáng nay giao dịch với giá thấp nhất 12.800 đồng/CP, đa phần giao dịch khớp lệnh cổ phiếu KBC hôm nay đều trên 13.000 đồng/CP.

BRC cho biết do trong năm công ty phải xử lý phần ưu đãi thuế theo yêu cầu của Thanh tra thuế, vì vậy HĐQT xem xét trình ĐHCĐ mức cổ tức 2013 vồn vẹn 4%, so với 7% dự định ban đầu (thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2013). Năm 2013, BRC hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận với tỷ lệ 42,7%.

BRC cho biết 2 năm vừa qua (2012 và 2013) hoạt động của nông trường cao su liên kết không có lãi. HĐQT yêu cầu ban điều hành có giải pháp kinh doanh cụ thể cho năm 2014, đồng thời đề nghị Ban kiểm soát cùng với Ban điều hành công ty làm việc với đối tác là Công ty TNHH MTV Cao su 30/4 Tây Ninh để giải quyết về hoạt động của nông trường.

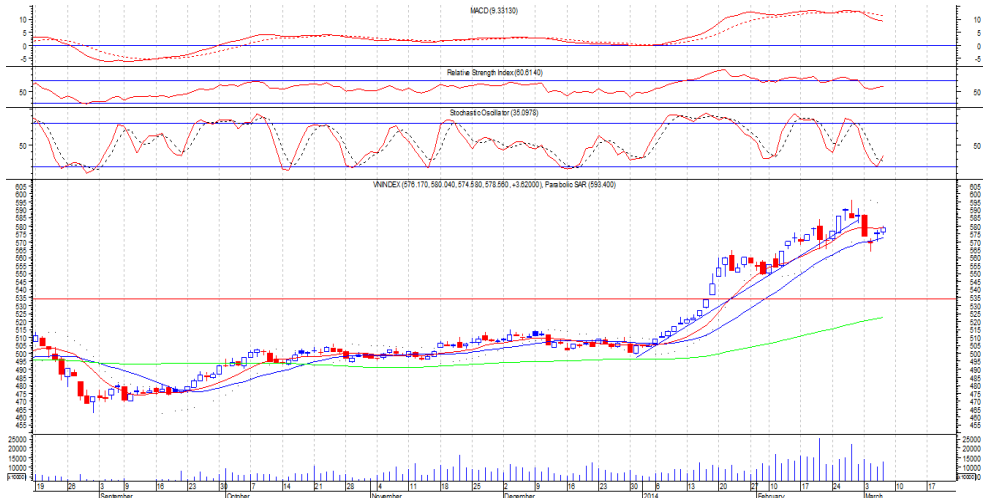
Ngày 24/3/2014 tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty Xây dựng Thăng Long sẽ tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng. Trước đó, Ngày 10/12/2013, tại lễ ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) và Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (TLG), ông Đỗ Quang Hiển, Chủ tịch Hội đồng Quản trị SHB cho biết: "SHB muốn trở thành cổ đồng chiến lược của TLG sau khi thực hiện cổ phần hóa. SHB cam kết sẽ tiếp tục đồng hành hiệu quả và thành công với nhiều dự án công trình giao thông quan trọng của Tổng Công ty trong thời gian tới".

HOSE 06/03/2014 VNINDEX 578.55 3.61 0.63% 141,304,493 CP 2,234.66 bil VND

Sự thận trọng vẫn đang được duy trì

VN-Index tăng 3.62 điểm (+0.63%), đóng cửa tại mức 578.56 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, tăng điểm nhưng đà tăng chưa thực sự mạnh.

- MA10, MA20 đi ngang. Cho thấy xu hướng ngắn hạn của thị trường vẫn đang có nhiều lo ngại.
- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục đi xuống tăng khả năng cắt đường zero - base.
- Stochastic Oscillator dừng đà giảm và cho tín hiệu mua trở lại.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 60.
- DI+, DI- gia tăng độ rộng trở lại.



HOSE Top 5 theo KLGD

HAG	0.7 (2.7%)	6,412,600
ITA	0 (0.0%)	5,733,540
FLC	-0.2 (-1.5%)	5,415,850
SSI	0.3 (1.2%)	5,116,840
HQC	0.3 (3.7%)	4,785,840

HOSE Top 5 theo % tăng

ASM	0.6 (7.0%)	3,811,590
LGL	0.3 (7.0%)	69,930
SPM	1.6 (7.0%)	1,100
HAI	1.4 (6.8%)	1,180
BT6	0.6 (6.7%)	24,080

HOSE Top 5 theo % giảm

ANV	-0.7 (-7.2%)	120,800
PNC	-0.4 (-6.9%)	39,880
ASIAGF	-0.6 (-6.7%)	240
BRC	-0.8 (-6.7%)	22,450
STT	-0.2 (-6.7%)	200

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KDC	15,4 tỷ	265,300
SSI	13,4 tỷ	510,970
DXG	12,5 tỷ	775,210
STB	10,4 tỷ	519,960
GAS	8,0 tỷ	96,540

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KBC	-69,3 tỷ	5,725,630
HAG	-47,5 tỷ	1,766,390
CTG	-6,7 tỷ	396,330
HPG	-5,6 tỷ	114,490
PET	0.0 tỷ	-

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-5,892,620	- 74.03

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đà tăng của VN-Index tiếp tục được duy trì, nhiều mã vốn hóa nhỏ tăng trần, tuy vậy thì sức cầu chưa thực sự mạnh khiến cho mức tăng của VN-Index vẫn h/ché.
- ▶ KL tăng nhẹ trở lại và đạt 113 triệu đơn vị khớp lệnh. Nhưng vẫn thấp hơn so với bình quân 20P. Điều này cho thấy NĐT vẫn đang khá thận trọng với đà hồi phục.
- ▶ Chúng tôi cho rằng thị trường nhiều khả năng sẽ giao dịch cân bằng tích lũy ở vùng giá này một thời gian. Đà điều chỉnh nếu có sẽ không quá sâu.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng khá mạnh phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ còn xuất hiện nhiều trong t/gian tới, vì vậy điều này sẽ tác động xấu tới TT chung.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể cân nhắc mua vào một phần các mã đã điều chỉnh 10 - 15%. Tránh mua đuổi giá, việc mua thêm chỉ nên thực hiện nếu TK gia tăng.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	83.5	158,232.50	12.6	4.6	40.8%	25.9%
VNM	833.5	139.0	115,851.92	17.7	6.6	39.6%	30.7%
MSN	734.9	98.0	72,021.31	159.5	4.8	3.0%	1.0%
VCB	2,317.4	30.0	69,522.51	16.0	1.6	10.3%	1.0%
VIC	909.6	74.5	67,762.18	10.1	3.8	47.7%	10.3%
CTG	3,723.4	16.9	62,925.54	9.3	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.6	46,665.96	10.7	1.4	13.7%	0.8%
BVH	680.5	46.3	31,505.83	28.6	2.6	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.1	22,964.48	10.1	1.3	14.5%	1.4%
PVD	275.3	78.5	21,607.76	10.6	2.2	22.3%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

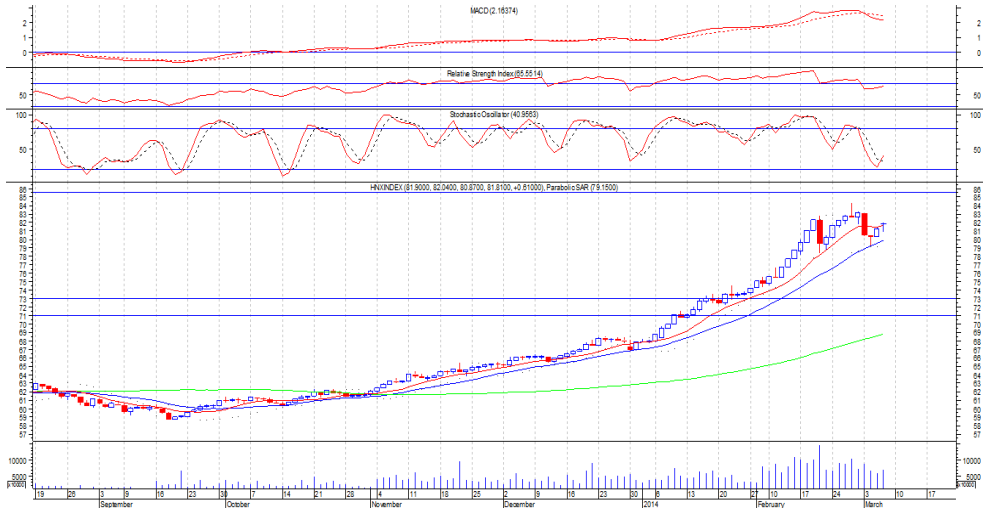
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	14.9	3,465.74	14.9	1.3	NA	TH.DOI
PPC	318.2	24.4	7,762.97	4.8	1.4	NA	TH.DOI
PHR	78.5	31.0	2,433.19	6.4	1.1	NA	TH.DOI
BMP	45.5	75.5	3,433.63	9.2	2.3	NA	TH.DOI
VSC	28.6	67.5	1,933.61	8.0	2.2	NA	TH.DOI
DPM	379.9	43.7	16,603.13	7.5	1.8	NA	TH.DOI

HNX 06/03/2014 HNX-Index 81.81 0.61 0.75% 73,450,051 CP 733.94 bil. VND

Sự thận trọng vẫn đang được duy trì

Chỉ số HNX-Index tăng 0.61 điểm (+0.75%), đóng cửa tại mốc 81.81 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến ngắn, tăng điểm nhẹ và vẫn thể hiện sự giằng co mạnh của chỉ số này.

- MA10, MA20 vẫn đang đi ngang. Điều này cho thấy xu hướng tăng trong ngắn hạn vẫn chưa được thiết lập trở lại.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator dừng đà giảm và cho tín hiệu mua trở lại.
- MACD tiếp tục đi xuống khá mạnh tăng khả năng cắt đường zero - base.
- RSI (14) giảm đà rơi, tăng nhẹ lên mốc 65.



HNX Top 5

theo KLGD

SHB	0.3 (3.3%)	10,208,120
PVX	-0.1 (-2.2%)	7,456,910
HUT	0.9 (8.7%)	4,826,730
VCG	0.2 (1.3%)	3,796,590
PVL	0.3 (9.1%)	3,778,850

HNX Top 5

theo % tăng

DNY	0.7 (10.0%)	2,000
MIM	0.4 (10.0%)	100
NFC	3.3 (10.0%)	100
PXA	0.4 (10.0%)	393,100
SRB	0.3 (10.0%)	230,600

HNX Top 5

theo % giảm

PMS	-1.7 (-10.0%)	1,000
MHL	-1 (-9.9%)	300
DLR	-0.6 (-9.8%)	100
BBS	-1.9 (-9.7%)	100
TAG	-2.9 (-9.1%)	140

HNX Top 5

Mua ròng NDTNN

PVS	3,1 tỷ	112,200
SHB	2,0 tỷ	221,600
PHH	1,0 tỷ	132,000
VCG	0,8 tỷ	56,300
CSC	0,5 tỷ	28,500

HNX Top 5

Bán ròng NDTNN

VND	-1,5 tỷ	100,000
PLC	-1,0 tỷ	43,500
PVC	-0,9 tỷ	57,000
PGS	-0,4 tỷ	11,300
TCT	-0,1 tỷ	1,000

GD NDTNN

KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	650,820 6.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đà tăng của HNX-Index tiếp tục được duy trì, nhiều mã vốn hóa nhỏ tăng trần, tuy vậy thì sức cầu chưa thực sự mạnh khiến cho mức tăng của HNX vẫn h/chế.
- ▶ KL tăng nhẹ và đạt mức 72 triệu đơn vị khớp lệnh. Nhưng vẫn thấp hơn so với bình quân 20P. Điều này cho thấy NĐT vẫn đang khá thận trọng với đà hồi phục.
- ▶ Chúng tôi cho rằng thị trường nhiều khả năng sẽ giao dịch cân bằng tích lũy ở vùng giá này một thời gian. Đà điều chỉnh nếu có sẽ không quá sâu.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ trở lại phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ còn xuất hiện nhiều trong thời gian tới, vì vậy điều này sẽ tác động xấu tới TT chung.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể cân nhắc mua vào một phần các mã đã điều chỉnh 10 - 15%. Tránh mua đuổi giá, việc mua thêm chỉ nên thực hiện nếu TK gia tăng.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.6	15,297.16	18.7	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	27.9	12,462.94	7.7	1.5	21.0%	6.7%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	10.5	0.8	7.6%	0.6%
VCG	441.7	15.1	6,669.83	12.1	1.2	10.1%	2.1%
OCH	200.0	31.3	6,260.00	33.9	2.9	8.1%	3.6%
PVI	225.4	18.9	4,260.33	13.0	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	45.4	3,533.57	7.9	2.5	34.3%	16.1%
NTP	43.3	66.7	2,890.64	10.0	2.4	24.8%	16.7%
VNR	100.8	27.0	2,722.35	9.2	1.1	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	35.8	1,360.40	7.8	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	24.3	481.14	8.2	0.8	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.3	1,483.13	12.1	1.2	NA	TH.DOI
NTP	43.3	66.7	2,890.64	10.0	2.4	NA	TH.DOI
LHC	2.0	64.6	129.20	3.3	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	51.0	401.62	7.4	1.7	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,021.31	15.35%	98.0	159.48	4.79	358,112	292,740	290,466
VIC	HOSE	909.6	67,762.18	14.46%	74.5	10.10	3.82	203,621	225,588	223,967
HPG	HOSE	419.1	20,533.57	11.74%	49.0	10.38	2.14	598,819	549,821	534,037
PVD	HOSE	275.3	21,607.76	8.68%	78.5	10.57	2.19	409,495	377,139	385,516
DPM	HOSE	379.9	16,603.13	8.01%	43.7	7.48	1.78	754,538	838,056	627,143
HAG	HOSE	718.2	19,318.36	7.98%	26.9	19.10	1.46	6,298,288	6,013,477	3,527,304
VCB	HOSE	2,317.4	69,522.51	6.11%	30.0	15.98	1.61	1,083,345	955,276	958,232
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	4.13%	20.1	10.11	1.34	1,321,709	922,030	557,253
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	3.08%	46.3	28.63	2.59	408,655	465,092	465,716
ITA	HOSE	718.1	5,672.79	2.71%	7.9	107.39	0.73	10,033,293	9,778,963	7,302,417
HSG	HOSE	96.3	5,682.47	2.68%	59.0	9.62	2.31	438,994	364,059	349,941
GMD	HOSE	114.4	4,039.08	2.26%	35.3	29.03	0.90	390,641	490,620	496,631
PPC	HOSE	318.2	7,762.97	2.03%	24.4	4.78	1.44	1,078,199	1,264,818	1,359,312
VSH	HOSE	206.2	3,196.74	1.74%	15.5	15.72	1.22	803,729	1,038,063	1,072,982
CSM	HOSE	67.3	2,812.81	1.64%	41.8	7.72	2.29	802,061	809,594	725,604
KBC	HOSE	289.8	3,766.89	1.48%	13.0	53.71	0.92	1,891,629	1,745,609	1,232,476
DRC	HOSE	83.1	3,713.40	1.33%	44.7	9.85	2.68	431,381	479,070	368,651
PVT	HOSE	232.6	3,465.74	1.18%	14.9	14.92	1.25	3,207,637	3,388,340	2,571,822
DIG	HOSE	143.0	2,430.92	1.01%	17.0	53.14	1.02	1,094,089	1,256,346	939,636
OGC	HOSE	300.0	3,690.00	0.91%	12.3	34.06	1.10	3,500,241	3,189,453	2,252,832
PET	HOSE	69.8	1,536.52	0.87%	22.0	9.22	1.19	853,625	1,157,798	814,136
SBT	HOSE	143.5	1,793.58	0.60%	12.5	7.16	0.97	293,225	374,412	282,656

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,462.94	8.04%	27.9	7.71	1.50	2,222,076	2,411,076	2,055,744
VIC	HOSE	909.6	67,762.18	7.80%	74.5	10.10	3.82	203,621	225,588	223,967
VCB	HOSE	2,317.4	69,522.51	7.65%	30.0	15.98	1.61	1,083,345	955,276	958,232
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	7.23%	46.3	28.63	2.59	408,655	465,092	465,716
DPM	HOSE	379.9	16,603.13	6.97%	43.7	7.48	1.78	754,538	838,056	627,143
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	5.98%	20.1	10.11	1.34	1,321,709	922,030	557,253
PVD	HOSE	275.3	21,607.76	5.04%	78.5	10.57	2.19	409,495	377,139	385,516
ITA	HOSE	718.1	5,672.79	3.72%	7.9	107.39	0.73	10,033,293	9,778,963	7,302,417
SHB	HNX	886.1	8,240.58	3.47%	9.3	10.53	0.77	11,405,047	11,080,201	6,315,140
PPC	HOSE	318.2	7,762.97	3.38%	24.4	4.78	1.44	1,078,199	1,264,818	1,359,312
OGC	HOSE	300.0	3,690.00	2.85%	12.3	34.06	1.10	3,500,241	3,189,453	2,252,832
GMD	HOSE	114.4	4,039.08	2.66%	35.3	29.03	0.90	390,641	490,620	496,631
HPG	HOSE	419.1	20,533.57	2.60%	49.0	10.38	2.14	598,819	549,821	534,037
HAG	HOSE	718.2	19,318.36	2.25%	26.9	19.10	1.46	6,298,288	6,013,477	3,527,304
DRC	HOSE	83.1	3,713.40	1.93%	44.7	9.85	2.68	431,381	479,070	368,651
VCG	HNX	441.7	6,669.83	1.85%	15.1	12.08	1.17	5,619,508	5,368,674	3,208,405
PVX	HNX	400.0	1,800.00	0.00%	4.5	- 0.87	2.28	13,474,526	12,861,969	8,726,194

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	909.6	67,762.18	0.00%	74.5	10.10	3.82	203,621	225,588	223,967
MSN	HOSE	734.9	72,021.31	0.00%	98.0	159.48	4.79	358,112	292,740	290,466
DPM	HOSE	379.9	16,603.13	0.00%	43.7	7.48	1.78	754,538	838,056	627,143
HAG	HOSE	718.2	19,318.36	0.00%	26.9	19.10	1.46	6,298,288	6,013,477	3,527,304
VCB	HOSE	2,317.4	69,522.51	0.00%	30.0	15.98	1.61	1,083,345	955,276	958,232
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.00%	20.1	10.11	1.34	1,321,709	922,030	557,253
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	0.00%	46.3	28.63	2.59	408,655	465,092	465,716
CTG	HOSE	3,723.4	62,925.54	0.00%	16.9	9.29	1.16	1,820,782	1,489,632	954,311
GAS	HOSE	1,895.0	158,232.50	0.00%	83.5	12.55	4.64	434,143	436,465	449,904

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,021.31	0.81%	98.0	159.48	4.79	358,112	292,740	290,466
VIC	HOSE	909.6	67,762.18	0.55%	74.5	10.10	3.82	203,621	225,588	223,967
DPM	HOSE	379.9	16,603.13	0.26%	43.7	7.48	1.78	754,538	838,056	627,143
VCB	HOSE	2,317.4	69,522.51	0.20%	30.0	15.98	1.61	1,083,345	955,276	958,232
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.14%	20.1	10.11	1.34	1,321,709	922,030	557,253
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	0.10%	46.3	28.63	2.59	408,655	465,092	465,716

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,264	7.2	1.0	16.0%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,431	7.8	1.8	24.5%	18.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,579	16.6	0.7	3.3%	2.5%
Sản xuất giấy	769	8.5	0.8	10.4%	5.2%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	32,856	16.9	1.9	17.6%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,086	5.2	0.9	17.3%	3.9%
Khai khoáng	12,491	45.9	4.9	3.9%	2.9%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,167	19.9	1.4	15.5%	9.1%
Xây dựng	31,264	50.3	1.2	2.3%	1.6%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,433	8.1	1.2	18.6%	10.0%
Công nghiệp phức hợp	477	5.2	1.0	20.3%	14.2%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,769	10.8	1.1	8.4%	4.5%
Thiết bị điện	1,513	11.9	0.6	-0.5%	-1.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	41	23.4	0.6	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,406	9.2	1.5	21.5%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,884	3.3	1.0	9.8%	1.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,924	13.0	1.6	17.0%	12.3%
Dịch vụ vận tải	5,160	10.2	1.4	16.1%	10.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,986	10.1	1.2	12.3%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	239	56.8	0.7	3.8%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	185	8.1	0.8	11.2%	4.9%
Chất thải & Môi trường	117	2.0	0.6	39.3%	19.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,070	23.1	1.6	16.1%	8.5%
Lốp xe	7,016	8.7	2.4	30.2%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,516	7.7	1.2	15.8%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	219	10.1	1.6	17.0%	12.2%
Đồ uống & giải khát	248	6.8	1.2	15.3%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,589	13.3	1.2	11.9%	5.7%
Thực phẩm	210,800	23.6	5.5	24.3%	18.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	55	107.5	0.7	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,366	9.0	1.1	12.8%	5.8%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	158	4.0	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,090	8.1	1.6	19.4%	7.4%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,152	10.4	1.8	17.5%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	732	5.8	1.1	-1.9%	3.5%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,034	23.8	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	134	3.5	1.7	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	166	10.7	1.1	10.0%	6.6%
Dược phẩm	15,938	12.9	3.3	26.6%	17.1%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	312	42.3	1.0	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	691	19.4	1.2	12.3%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,640	9.9	1.7	19.4%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,108	8.5	1.0	13.8%	9.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	117	8.6	2.6	35.0%	15.7%
Khách sạn	6,735	36.9	2.8	7.6%	3.5%
Dịch vụ giải trí	2,013	18.9	1.6	13.7%	12.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,244	20.9	2.4	17.2%	15.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	55	12.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	619	20.4	0.8	3.6%	1.3%
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,361	10.7	2.3	23.6%	9.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	358	12.1	0.6	4.6%	1.7%
Thiết bị văn phòng	251	5.1	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,446	14.9	0.8	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,979	7.6	1.3	19.2%	9.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	162,144	12.4	4.5	39.9%	25.2%
Nước	1,129	6.0	1.1	18.4%	13.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,280	10.6	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,740	11.7	0.7	6.4%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,773	9.2	1.1	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,370	28.6	2.6	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,600	34.1	1.1	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	22,990	21.4	1.4	7.3%	5.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	260,919	11.7	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	146,295	16.3	2.7	25.6%	6.2%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	124.0	0.4	0.3%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,569	9.4	1.9	21.4%	8.2%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.